

Bản án số: 13/2022/LĐ-ST

Ngày: 16-6-2022

V/v “Tranh chấp về lợi ích, tiền lương  
và tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt  
hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Rành
2. Bà Võ Thị Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLST-LĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp về lợi ích, tiền lương và tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐXXST-LĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Vũ Văn H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 640/25 Khu 6, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

**2. Bị đơn:** Công ty Cổ phần T

Địa chỉ: A33-34 đường N, khu dân cư K, phường TP, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: Số 16 đường 8B, khu dân cư T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Chánh T (Tổng giám đốc Công ty Cổ phần T)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hoàng Thị H (Giấy ủy quyền số 19/GUQ-CPTC ngày 16/3/2021 của Công ty Cổ phần T).

(ông Vũ Văn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà Hoàng Thị H vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện ngày 10/11/2020, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/12/2020 ông Vũ Văn H cho rằng ngày 22/8/1996, ông H có ký hợp đồng lao động với Công ty T II - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Công ty Cổ phần T) loại hợp đồng lao động xác định thời hạn là 01 năm (từ ngày 20/8/1996 đến 20/8/1997) với chức vụ là công nhân vận hành xáng cạp, máy đào; mức lương chính tại thời điểm ký hợp đồng: Bậc 2/7 hệ số 1,55, mức lương 186.000 đồng; phụ cấp: Theo cơ chế khoán sản phẩm của đơn vị. Theo thỏa thuận tại Điều 5 của hợp đồng lao động thì sau hết hạn hợp đồng này, nếu ông H thực hiện tốt thì hợp đồng này đương nhiên trở thành hợp đồng không xác định thời hạn, nên sau 01 năm ông H hoàn thành tốt nhiệm vụ, Công ty Cổ phần T (sau đây viết tắt là Công ty) và ông H không phải ký hợp đồng tiếp theo. Trong quá trình làm việc do Công ty không có việc làm và chậm trả lương, không bảo đảm đời sống gia đình, nên ngày 04/5/2020 ông H nộp đơn xin nghỉ việc. Sau nhiều lần ông H yêu cầu Công ty giải quyết chế độ nghỉ việc cho ông theo quy định của Bộ luật Lao động, nhưng Công ty vẫn không thực hiện, nên ông có đơn yêu cầu Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận B giải quyết. Ngày 21/7/2020 Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận B tiến hành hòa giải. Tại buổi hòa giải Công ty thống nhất với đề xuất xin nghỉ việc của ông H, nhưng sau đó Công ty cũng không thực hiện.

Do quyền, lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải thực hiện:

- Ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông H theo quy định của pháp luật lao động;

- Chốt sổ bảo hiểm và trả sổ bảo hiểm cho ông H đến thời điểm nghỉ việc theo quy định của Bộ luật Lao động;

- Buộc Công ty trả cho ông H tiền lương tháng 3/2020 với số tiền là 7.500.000 đồng và 07 ngày lương tháng 4/2020 với số tiền 2.000.000 đồng;

- Buộc Công ty trả cho ông H tiền trợ cấp thôi việc của 12 năm 03 tháng 08 ngày tính từ ngày ký hợp đồng 20/8/1996 đến ngày 31/12/2008 với số tiền là 93.750.000 đồng (mỗi năm thâm niên là 01 tháng lương, mỗi tháng lương là 7.500.000 đồng, theo bản sao kê tại Ngân hàng BIDV, đã trừ bảo hiểm xã hội và công đoàn phí).

Tại Bản tự khai bổ sung ngày 23/3/2021, ông Vũ Văn H rút yêu cầu đòi Công ty trả tiền lương tháng 3/2020 với số tiền là 7.500.000 đồng và 07 ngày lương tháng 4/2020 với số tiền 2.000.000 đồng. Đến ngày 19/5/2022, ông Vũ Văn H sửa đổi, bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải thực hiện:

- Ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông H theo quy định của pháp luật lao động (thời hạn chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01/4/2020);

- Chốt sổ bảo hiểm và trả sổ bảo hiểm cho ông H đến thời điểm nghỉ việc theo quy định của Bộ luật Lao động (kể từ ngày 31/3/2020);

- Buộc Công ty trả cho ông H tiền trợ cấp thôi việc của 12 năm 03 tháng (tính từ ngày ký hợp đồng 20/8/1996 đến ngày 31/12/2008) với số tiền tính tròn số là 39.679.950 đồng (mỗi năm làm việc là một nửa tháng lương, mỗi tháng tiền lương đã trừ bảo hiểm là 6.478.360 đồng tính theo tiền lương tháng 3/2020 mà ông H đã nhận tại Công ty).

*Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 21/10/2021, bị đơn Công ty Cổ phần T thông qua người đại diện theo ủy quyền là bà Hoàng Thị H trình bày:*

- Về tiền lương tháng 4/2020 ông Vũ Văn H làm 07 ngày công, Công ty đã thanh toán đầy đủ cho ông H.

- Về tiền lương tháng 3/2020 của ông H theo sản phẩm là 5.000.000 đồng, phụ cấp 2.000.000 đồng, trừ bảo hiểm tháng 3/2020 là 521.640 đồng. Số tiền còn lại ông H được hưởng là 6.478.360 đồng, Công ty đã thanh toán đầy đủ lương.

Vì ông H còn đang liên quan các chứng từ hoàn ứng chưa hoàn thành, nên Công ty chưa làm các thủ tục để dứt điểm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Vũ Văn H vắng mặt, do có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; việc xác định tư cách tham gia tố tụng; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vì vắng mặt không lý do tại các buổi hòa giải mặc dù được triệu tập hợp lệ.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Vũ Văn H buộc Công ty có trách nhiệm ra quyết định nghỉ việc từ ngày 01/5/2020, chốt sổ bảo hiểm xã hội đến ngày 31/3/2020, trả tiền trợ cấp thôi việc số tiền là 39.679.950 cho ông H.

Về án phí: Công ty Cổ phần T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào ý kiến của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Vũ Văn H với Công ty có giao kết hợp đồng lao động, Công ty có trụ sở tại Quận 7. Theo quy định tại Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 19/5/2022 và tại phiên tòa hôm nay, bà Hoàng Thị Hương là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty Cổ phần T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Đồng thời căn cứ đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của nguyên đơn ông Vũ Văn H. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Văn H buộc Công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông H, kể từ ngày 01/5/2020 theo quy định của pháp luật lao động; chốt sổ bảo hiểm kể từ ngày 31/3/2020; trả sổ bảo hiểm cho ông H theo quy định của Bộ luật Lao động và buộc Công ty trả tiền trợ cấp thôi việc của 12 năm 03 tháng (tính từ ngày ký hợp đồng 20/8/1996 đến ngày 31/12/2008) với số tiền tính tròn số là 39.679.950 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2] Tại Điều 5 của hợp đồng lao động các bên thỏa thuận: “1. Những thỏa thuận khác: Hết hạn hợp đồng này, ông H phải có bản kiểm điểm quá trình

làm việc, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị, đảm bảo vận hành thành thạo thiết bị được giao. Làm cơ sở để xếp lại lương thì hợp đồng này đương nhiên có hiệu lực tiếp theo, theo cơ chế hợp đồng không xác định thời hạn. ... 2. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 20/8/1996 đến ngày 20/8/1997. Như vậy, có cơ sở xác định ông H làm việc tại Công ty theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

[3.3] Đối với yêu cầu của ông Vũ Văn H về việc buộc Công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông H, kể từ ngày 01/5/2020 theo quy định của pháp luật lao động; chốt sổ bảo hiểm kể từ ngày 31/3/2020; trả sổ bảo hiểm cho ông H theo quy định của Bộ luật lao động, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 04/5/2020, ông Vũ Văn H nộp đơn xin nghỉ việc. Tại Biên bản hòa giải ngày 21/7/2020 của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận B hai bên thỏa thuận: “Ông H sẽ làm việc tại Công ty đến tháng 11/2020, Công ty thực hiện ra quyết định nghỉ việc và chốt sổ bảo hiểm cho ông H. Trường hợp ông H có nguyện vọng xin nghỉ trước tháng 11/2020 thì Công ty tạo điều kiện để ông H nghỉ việc theo nguyện vọng”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Bộ luật lao động 2019 về các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động: “*Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động*”. Tại khoản 3 Điều 48 Bộ luật lao động 2019 quy định: “*Người sử dụng lao động có trách nhiệm sau đây: a) Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động...*”. Như vậy, yêu cầu của ông Vũ Văn H là có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu của ông Vũ Văn H về việc buộc Công ty trả tiền trợ cấp thôi việc của 12 năm 03 tháng (tính từ ngày ký hợp đồng 20/8/1996 đến ngày 31/12/2008) với số tiền tính tròn số là 39.679.950 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.4.1] Về thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc: Tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “... *Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp*”. Theo Hợp đồng lao động thì ông H làm việc tại Công ty từ ngày 20/8/1996. Theo sổ bảo hiểm xã hội thì ông H có thời gian tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2009. Như vậy, thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc cho ông Vũ Văn H (từ ngày 20/8/1996 đến 31/12/2008) là 12 năm 04 tháng 11 ngày. Tuy nhiên, ông H chỉ yêu cầu tính trợ cấp thôi việc 12 năm 03 tháng, nên ghi nhận sự tự nguyện của ông H

[3.4.2] Về tiền lương để tính trợ cấp thôi việc: Tại khoản 1, khoản 3 Điều 46 Bộ luật lao động quy định: “*1 ... mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương.... 3. Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc*”. Theo sao kê tài khoản thì tiền lương tháng 10/2019 của ông H là 6.478.360 đồng, đến tháng 3/2020 tiền lương ông H nhận tại Công ty là 6.478.360 đồng theo thừa nhận tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 21/10/2021 của Công ty.

Như vậy, số tiền trợ cấp thôi việc ông Vũ Văn H được nhận: 12 năm 03 tháng x 6.478.360 đồng/tháng x  $\frac{1}{2}$  = 39.679.950 đồng, nên yêu cầu của ông H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn H được chấp nhận nên Công ty Cổ phần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.190.399 đồng (39.679.950 đồng x 3% ) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 34, Điều 46 và Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Văn H.

- Buộc Công ty Cổ phần T ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Vũ Văn H, kể từ ngày 01/5/2020;

- Buộc Công ty Cổ phần T chốt sổ bảo hiểm kể từ ngày 31/3/2020 và trả sổ bảo hiểm cho ông Vũ Văn H;

- Buộc Công ty Cổ phần T thanh toán tiền trợ cấp thôi việc của 12 năm 03 tháng làm việc, tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực ngày 20/8/1996 đến ngày 31/12/2008 cho ông Vũ Văn H với số tiền là 39.679.950 (ba mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn chín trăm năm mươi) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Vũ Văn H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên mà Công ty Cổ phần T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng Công ty Cổ phần T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.190.399 (một triệu một trăm chín mươi ngàn ba trăm chín mươi chín) đồng.

Hoàn trả lại cho ông Vũ Văn H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0042107 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Vũ Văn H và Công ty Cổ phần T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK *Thom*).

**Phạm Văn Thạnh**